

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: KHTN 6 – Năm học 2023 - 2024

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 1. Sau khi học xong bài virus
- **Thời gian làm bài:** 90 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

[illegible]

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng.		2		1	1				1	3	1.75đ
5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp.		2	1						1	2	1.5đ
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống.		2		1						3	0.75đ
7. Từ tế bào đến cơ thể.		2	1								1.5đ
8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn.		3		1			1		1	4	2đ
Số câu		16	2	4	2		1		5	20	
Điểm số		4đ	2đ	1đ	2đ		1đ		6đ	4đ	10đ
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

b) Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu				1		
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết					
		- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		1		C1
		- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).				
	Thông hiểu					
		- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
	Vận dụng bậc thấp					
		- Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
	2. Các phép đo (10 tiết)		1	4		
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết	- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.				
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C2
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C3
		– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.		1		C4
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)				
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.		1		C5

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.				
		- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng bậc thấp					
		- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) (không yêu cầu tìm sai số).				
	Vận dụng bậc cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.	1		C21	
	3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)			1		
– Sự đa dạng của chất	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
– Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất		– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.				
		– Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.				
		- Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.				
		- Nêu được chất có trong các vật vô sinh.				
		- Nêu được chất có trong các vật hữu sinh.				
		Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.				
		– Nêu được khái niệm về sự nóng chảy		1		C6
		– Nêu được khái niệm về sự sôi.				
		– Nêu được khái niệm về sự bay hơi.				
		– Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.				
		– Nêu được khái niệm về sự đông đặc.				
	Thông hiểu	- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		của chất.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí.				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
		– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).				
		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.				
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).				
		– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	Vận dụng					
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
		– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng cao	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)	1	3		
– Một số vật liệu – Một số nhiên liệu – Một số nguyên liệu – Một số lương thực – thực phẩm	Nhận biết	–Biết được tính chất của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...		1		C7
		– Biết được tính chất của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...		1		C8
	Thông hiểu					
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống.		1		C9

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Vận dụng					
		– Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.				
		– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.				
	Vận dụng cao	Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	1		C22	
	5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)		1	2		
	Nhận biết					
		– Nêu được khái niệm hỗn hợp.		1		C10
		– Nêu được khái niệm chất tinh khiết.		1		C11
		– Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.				
	Thông hiểu					
		- Phân biệt được dung môi và dung dịch.				
		– Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.				
		– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.	1		C23	
		– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.				
		– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.				
	Vận dụng					
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.				
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.				
		– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
	6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)			3		
– Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở	Nhận biết	- Nêu được khái niệm tế bào.		1		C12
		- Nêu được chức năng của tế bào.				
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C13
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1		C14
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
	Thông hiểu					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
của sự sống	Vận dụng bậc thấp	– Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.				
		– Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).				
		– Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
	7. Từ tế bào đến cơ thể		1	2		
		- Nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.		1		C15
		- Nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.		1		C16
– Từ tế bào đến mô – Từ mô đến cơ quan	Thông hiểu					
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
– Từ cơ quan đến hệ cơ quan – Từ hệ cơ quan đến cơ thể		nên cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể.	1		C24	
	Vận dụng thấp					
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể.				
	Vận dụng cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể).				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.				
	8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn (10 tiết)		1	4		
	Nhận biết					
		– Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.		1		C17
		- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.		1		C18
		- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.		1		C19
		- Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
	Thông hiểu					
		- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.				
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.	1	17		
		- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng		1		C20

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		loài và đa dạng về môi trường sống.				
		- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
	Vận dụng thấp					
		– Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.	1	18		
	Vận dụng cao	- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.				

(Đề có 2 trang)

Mã đề 001

Họ và tên : Lớp :

ĐIỂM	LỜI PHÉ CỦA GIÁO VIÊN

A. TRẮC NGHIỆM: (4.0 điểm) Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Thành phần nào chỉ có ở tế bào thực vật?

- A. Nhân. B. Màng tế bào C. Lục lạp. D. Tế bào chất.

Câu 2: Kính hiển vi có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát khoảng bao nhiêu lần?

- A. 3 – 20 lần. B. 10 – 20 lần. C. 20 – 100 lần. D. 40 – 3000 lần.

Câu 3: Sử dụng kính lúp cầm tay như thế nào là đúng?

- A. Đặt kính gần sát mắt. B. Đặt kính chính giữa mắt và vật.
C. Đặt kính rất xa vật. D. Đặt kính gần sát vật rồi đưa kính ra xa dần để thấy rõ vật

Câu 4: Sự lớn lên của tế bào có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây?

- A. Trao đổi chất, cảm ứng và sinh sản B. Trao đổi chất
C. Sinh sản D. Cảm ứng

Câu 5: Hệ cơ quan có nhiều cơ quan nhất trong cơ thể là:

- A. Tiêu hóa B. Hô hấp C. Bài tiết D. Sinh sản

Câu 6: Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu không kiểm soát được quá trình phân chia tế bào?

- A. Cơ thể lớn lên thành người khổng lồ.
B. Xuất hiện các khối u ở nơi phân chia mất kiểm soát.
C. Cơ thể phát triển mất cân đối (bộ phận to, bộ phận nhỏ không bình thường).
D. Cơ thể vẫn phát triển bình thường.

Câu 7: Mô là gì?

- A. Tập hợp nhiều cơ quan có chức năng giống nhau
B. Tập hợp nhiều hệ cơ quan có chức năng giống nhau
C. Tập hợp nhiều tế bào có chức năng giống nhau
D. Tập hợp toàn bộ các tế bào trong cơ thể

Câu 8: Thành phần nào dưới đây không thuộc cấu tạo của hệ tuần hoàn?

- A. Tim B. Mạch máu C. Máu D. Phổi

Câu 9: Dãy nào sau đây chỉ gồm các vật thể hữu sinh (vật sống)?

- A. Cây mía, con bò. B. Cái bàn, lọ hoa.
C. Con mèo, xe đạp. D. Máy quạt, cây hoa hồng.

Câu 10: Để phân biệt tính chất hóa học của một chất ta thường dựa vào dấu hiệu nào sau đây?

- A. Không có sự tạo thành chất. B. Có chất khí tạo ra.
C. Có chất rắn tạo ra. D. Có sự tạo thành chất mới.

Câu 11: Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Oxygen. B. Hidrogen. C. Carbon dioxide. D. Nitrogen.

Câu 12. Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thuỷ tinh. B. Gốm. C. Kim loại. D. Cao su.

Câu 13 : Đơn vị đo độ dài hợp pháp nước ta là:

A. Mét(m) B. Centi mét (cm) D. Đề xi mét (dm) D. Ki lô mét (Km)

Câu 14 : Nhiệt độ là:

A. Số đo mức độ nóng, lạnh của một vật B. Mức độ nóng của vật
B. Mức độ lạnh của một vật C. Mức độ ẩm của một vật

Câu 15 : Để đo khối lượng của một vật người ta dùng:

A. Nhiệt kế B. Cân C. Thước D. Bình chia độ

Câu 16 : Trong thang nhiệt độ Xen-xi –út ($^{\circ}\text{C}$) nhiệt độ của nước đá đang tan là:

A. 100°C B. 32°C C. 0°C D. 212°C

B. TỰ LUẬN: (6.0 điểm)

Câu 17: (2đ) Phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào ? Cho ví dụ mỗi loại?

Câu 18: (1đ) Kể tên các giới trong hệ thống phân loại sinh vật? Các sinh vật như: *Vi khuẩn tả, trùng biến hình* được xếp vào những giới nào?

Câu 19: (1,5đ) Bạn An lấy một viên đá lạnh nhỏ ở trong tủ lạnh rồi bỏ lên chiếc đĩa. Khoảng một giờ sau, bạn An không thấy viên đá lạnh đâu nữa mà thấy nước trải đều trên mặt đĩa. Bạn An để luôn vậy và ra làm rau cùng mẹ. Đến trưa, bạn đến lấy chiếc đĩa ra để rửa thì không còn thấy nước.

a) Theo em, nước đã biến đâu mất? b) Nước có thể tồn tại ở những thể nào?
c) Hãy vẽ sơ đồ mô tả sự biến đổi giữa các thể của nước?

Câu 20: a) (0,75 đ) Tại một nhà máy sản xuất bánh kẹo, Dũng có thể đóng gói 1410 viên kẹo mỗi giờ. Bình có thể đóng 408 hộp trong 8 giờ làm việc mỗi ngày. Nếu mỗi hộp chứa 30 viên kẹo, thì ai là người đóng gói nhanh hơn

b) (0,75 đ) Em hãy nêu cách biểu diễn lực .

-----HẾT -----

(Đề có 2 trang)

Họ và tên : Lớp :

Mã đề 002

ĐIỂM	LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN

A. TRẮC NGHIỆM. (4.0 điểm) Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Với cùng một chất, nhiệt độ nóng chảy cũng chính là:

- A. Nhiệt độ sôi. B. Nhiệt độ đông đặc. C. Nhiệt độ hóa hơi. D. Nhiệt độ ngưng tụ.

Câu 2: Lọ nước hoa để trong phòng có mùi thơm. Điều này thể hiện nước hoa là:

- A. chất dễ nén được. B. chất dễ nóng chảy.
C. chất dễ hóa hơi. D. chất không chảy được.

Câu 3: Hành động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên. B. Làm theo các thí nghiệm xem trên internet.
C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất. D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

Câu 4: Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây là không đúng?

- A. Khai thác tiết kiệm vì nguồn quặng có hạn.
B. Tránh làm ô nhiễm môi trường.
C. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.
D. Chế biến quặng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao hiệu quả kinh tế.

Câu 5 : Đơn vị đo độ dài hợp pháp nước ta là:

- A. Mét(m) B. Centi mét (cm) C. Đề xi mét (dm) D. Ki lô mét (Km)

Câu 6 : Nhiệt độ là:

- A. Số đo mức độ nóng, lạnh của một vật B. Mức độ nóng của vật
C. Mức độ lạnh của một vật C. Mức độ ẩm của một vật

Câu 7 : Để đo khối lượng của một vật người ta dùng:

- A. Nhiệt kế B. Cân C. Thước D. Bình chia độ

Câu 8 : Trong thang nhiệt độ Xen-xi – út ($^{\circ}\text{C}$) nhiệt độ của nước đá đang tan là:

- A. 100°C B. 32°C C. 0°C D. 212°C

Câu 9: Sử dụng kính lúp cầm tay như thế nào là đúng?

- A. Đặt kính gần sát mắt. B. Đặt kính chính giữa mắt và vật.
C. Đặt kính rất xa vật. D. Đặt kính gần sát vật rồi đưa kính ra xa dần để thấy rõ vật.

Câu 10: Kính hiển vi có khả năng phóng to ảnh của vật được quan sát khoảng bao nhiêu lần?

- A. 3 – 20 lần. B. 10 – 20 lần. C. 20 – 100 lần. D. 40 – 3000 lần.

Câu 11: Thành phần nào chỉ có ở tế bào thực vật?

- A. Nhân. B. Màng tế bào C. Lục lạp. D. Tế bào chất.

Câu 12: Sự lớn lên của tế bào có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây?

- A. Trao đổi chất, cảm ứng và sinh sản B. Trao đổi chất

C. Sinh sản

D. Cảm ứng

Câu 13: Hệ cơ quan có nhiều cơ quan nhất trong cơ thể là:

A. Tiêu hóa

B. Hô hấp

C. Bài tiết

D. Sinh sản

Câu 14: Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu không kiểm soát được quá trình phân chia tế bào?

A. Cơ thể lớn lên thành người khổng lồ.

B. Xuất hiện các khối u ở nơi phân chia mất kiểm soát.

C. Cơ thể phát triển mất cân đối (bộ phận to, bộ phận nhỏ không bình thường).

D. Cơ thể vẫn phát triển bình thường.

Câu 15: Mô là gì?

A. Tập hợp nhiều cơ quan có chức năng giống nhau

B. Tập hợp nhiều hệ cơ quan có chức năng giống nhau

C. Tập hợp nhiều tế bào có chức năng giống nhau

D. Tập hợp toàn bộ các tế bào trong cơ thể

Câu 16: Thành phần nào dưới đây không thuộc cấu tạo của hệ tuần hoàn?

A. Tim

B. Mạch máu

C. Máu

D. Phổi

B. TỰ LUẬN. (6.0 điểm)

Câu 17 (1đ) Viết sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật từ lớn đến bé? Cho ví dụ cụ thể?

Câu 18: (2đ) Phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào? Cho ví dụ mỗi loại?

Câu 19: (1,5đ) Bạn An lấy một viên đá lạnh nhỏ ở trong tủ lạnh rồi bỏ lên chiếc đĩa. Khoảng một giờ sau, bạn An không thấy viên đá lạnh đâu nữa mà thấy nước trải đều trên mặt đĩa. Bạn An để luôn vậy và ra làm rau cùng mẹ. Đến trưa, bạn đến lấy chiếc đĩa ra để rửa thì không còn thấy nước.

a) Theo em, nước đã biến đâu mất?

b) Nước có thể tồn tại ở những thể nào?

c) Hãy vẽ sơ đồ mô tả sự biến đổi giữa các thể của nước?

Câu 20: a) (0,75đ) Tại một nhà máy sản xuất bánh kẹo, Dũng có thể đóng gói 1410 viên kẹo mỗi giờ. Bình có thể đóng 408 hộp trong 8 giờ làm việc mỗi ngày. Nếu mỗi hộp chứa 30 viên kẹo, thì ai là người đóng gói nhanh hơn?

b) (0,75 đ) Nêu các bước dùng cân đồng hồ để cân khối lượng một vật.

-----HẾT -----

KIỂM TRA HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2023- 2024
MÔN KHTN - KHỐI LỚP 6

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm: (4,0đ) Mỗi câu đúng được 0,25đ

Mã đề Câu	001	002
1	C	B
2	D	C
3	D	B
4	B	C
5	A	A
6	B	A
7	C	B
8	D	C
9	A	D
10	D	D
11	C	C
12	C	B
13	A	A
14	A	C
15	B	C
16	C	D

II. TỰ LUẬN(6,0đ)

Mã đề 001

Câu	Nội dung	Thang điểm
17	Câu 17 :(2đ) Phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào ? Cho ví dụ mỗi loại? - Cơ thể đơn bào được cấu tạo từ một tế bào và thực hiện tất cả các quá trình sống cơ bản. + Ví dụ: vi khuẩn, nấm men,... - Cơ thể đa bào có cấu tạo gồm nhiều tế bào, mỗi loại tế bào thường thực hiện một chức năng sống riêng biệt nhưng phối hợp với nhau thực hiện các quá trình sống cơ bản của cơ thể. + Ví dụ: con mèo, cây đào,...	0,5 0,5 0,5 0,5

18	Câu 18: (1đ) Kể tên các giới trong hệ thống phân loại sinh vật? Các sinh vật như <i>Vi khuẩn tả, trùng biến hình</i> được xếp vào những giới nào? Hệ thống phân loại sinh vật gồm các giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật và Động vật. <i>Vi khuẩn tả</i> được xếp vào giới khởi sinh <i>,trùng biến hình</i> được xếp vào giới nguyên sinh	0,5 0,5
19	Câu 19: a) Theo em, nước đã bốc hơi đi hết b, Nước có thể tồn tại ở thể rắn (nước đá), thể lỏng (nước), thể khí (hơi nước) c, Vẽ đúng sơ đồ	0,5đ 0,5đ 0,5đ
20	a) Số hộp kẹo Dũng đóng gói được trong 1 giờ $1410 : 30 = 47$ hộp Số hộp kẹo Bình đóng gói trong 1 giờ $408 : 8 = 51$ hộp Vậy Bình đóng gói nhanh hơn Dũng b) Để biểu diễn lực người ta dùng 1 mũi tên + Gốc của mũi tên có điểm đặt tại vật chịu lực tác dụng + Phương và chiều của mũi tên là phương và chiều của lực + Độ dài của mũi tên biểu diễn độ lớn của lực theo 1 tỉ xích	0,25đ 0,25đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ

Mã đề 002

Câu	Nội dung	Thang điểm
17	Câu 17 (Viết sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật từ lớn đến bé? Cho ví dụ cụ thể ? - sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật từ lớn đến bé Giới- ngành- lớp- bộ- họ- chi - loài - Cho ví dụ cụ thể VD:(Tương tự sgk trang 87)	0,5 0,5
18	Câu 18 :(2đ)Phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào ?cho ví dụ mỗi loại? - Cơ thể đơn bào được cấu tạo từ một tế bào và thực hiện tất cả các quá trình sống cơ bản. + Ví dụ: vi khuẩn, nấm men,... - Cơ thể đa bào có cấu tạo gồm nhiều tế bào, mỗi loại tế bào thường thực hiện một chức năng sống riêng biệt nhưng phối hợp với nhau thực hiện các quá trình sống cơ bản của cơ thể. + Ví dụ: con mèo, cây đào,...	0,5 0,5 0,5 0,5
19	Câu 19: a) Theo em, nước đã bốc hơi đi hết b, Nước có thể tồn tại ở thể rắn (nước đá), thể lỏng (nước), thể khí (hơi nước) c, Vẽ đúng sơ đồ	0,5 0,5 0,5

20	a) Số hộp kẹo Dũng đóng gói được trong 1 giờ $1410 : 30 = 47$ hộp Số hộp kẹo Bình đóng gói trong 1 giờ $408 : 8 = 51$ hộp Vậy Bình đóng gói nhanh hơn Dũng b) Để biểu diễn lực người ta dùng 1 mũi tên + Gốc của mũi tên có điểm đặt tại vật chịu lực tác dụng + Phương và chiều của mũi tên là phương và chiều của lực + Độ dài của mũi tên biểu diễn độ lớn của lực theo 1 tỉ xích	0,25đ 0,25đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
----	---	---

